

## KẾ HOẠCH

### Triển khai, thực hiện Đề án phát triển cây công nghiệp chủ lực trên địa bàn huyện Đắk Glong đến năm 2030

Thực hiện Kế hoạch số 391/KH-UBND ngày 17/06/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc triển khai, thực hiện Đề án phát triển cây công nghiệp chủ lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030. Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030, cụ thể như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

##### 1. Mục đích

Đảm bảo công tác chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện Quyết định số 431/QĐ-BNN-TT ngày 26/01/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kế hoạch số 391/KH-UBND ngày 17/06/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc triển khai, thực hiện Đề án phát triển cây công nghiệp chủ lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030.

Phát triển cây công nghiệp chủ lực trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế các vùng sinh thái; phù hợp với truyền thống sản xuất, điều kiện kinh tế, xã hội từng vùng. Sử dụng tối đa các sản phẩm phụ trong quá trình sản xuất, chế biến các sản phẩm cây công nghiệp chủ lực; phát triển kinh tế tuần hoàn, khai thác đa giá trị giữa sản xuất cây công nghiệp chủ lực với văn hóa, du lịch và dịch vụ.

Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất, nâng cao chất lượng, khả năng cạnh tranh; chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường; giảm chi phí, nâng cao giá trị gia tăng. Huy động nguồn lực của các thành phần kinh tế để đầu tư phát triển sản xuất, chế biến, xuất khẩu sản phẩm cây công nghiệp chủ lực.

##### 2. Yêu cầu

Phát triển các cây công nghiệp chủ lực (cà phê, hồ tiêu) trên địa bàn huyện phải phù hợp với Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Đề án phát triển cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông; Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp huyện Đắk Glong đến năm 2025; Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện Đắk Glong đến năm 2030, định hướng đến năm 2035; Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông; không gây mất rừng, suy thoái rừng, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các phòng, ban, đơn vị và Ủy ban nhân dân các

xã làm cơ sở để đơn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 431/QĐBNN-TT ngày 26/01/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kế hoạch số 391/KH-UBND ngày 17/06/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông gắn với trách nhiệm, tính chủ động, tích cực của các phòng, ban, đơn vị; Ủy ban nhân dân các xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Phát triển bền vững các cây công nghiệp chủ lực (cà phê, hồ tiêu, cao su), đảm bảo sản phẩm có sức cạnh tranh cao, gia tăng giá trị kim ngạch xuất khẩu; sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái, phòng, chống có hiệu quả thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, đời sống dân cư nông thôn và thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế, ổn định xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

### **2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030**

Diện tích cây công nghiệp chủ lực của huyện đạt khoảng 28.400 ha; trong đó: cà phê 25.000 ha, sản lượng 70.000 tấn; cây hồ tiêu 2.400,0 ha, sản lượng 6.750,0 tấn; cây cao su 1.000 ha, sản lượng 2.500 tấn.

Xây dựng 02 đến 03 vùng cây công nghiệp chủ lực ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, diện tích đạt trên 1.500 ha (02 vùng cà phê với diện tích trên 900 ha, 01 vùng hồ tiêu với diện tích trên 600 ha).

Diện tích cây công nghiệp chủ lực (Cà phê, hồ tiêu, cao su) sản xuất có chứng nhận tiêu chuẩn đạt từ 20% trở lên.

## **III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2030**

### **1. Định hướng chung**

1.1. Tổ chức lại sản xuất các cây công nghiệp chủ lực (cà phê, hồ tiêu, cao su) theo vùng chuyên canh, gắn với chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc và xây dựng mã số vùng trồng. Phát triển và hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với xây dựng cơ sở hạ tầng, dịch vụ hậu cần và xúc tiến thương mại. Phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất trên cơ sở hợp đồng tạo điều kiện thuận lợi để cấp chứng nhận chất lượng và truy xuất nguồn gốc. Liên kết các khâu sản 3 xuất, phân phối theo chuỗi các sản phẩm từ đầu vào đến đầu ra thị trường. Đến năm 2030, tỷ lệ giá trị sản phẩm các cây công nghiệp chủ lực của huyện được sản xuất dưới các hình thức hợp tác, liên kết đạt trên 60%. Hình thành trên 2 đến 3 vùng sản xuất ứng dụng công nghệ cao gắn với sơ chế, chế biến theo hình thức liên kết chuỗi giá trị bền vững, đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu. Tăng tỷ trọng diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế, theo hướng áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP), nông nghiệp hữu cơ (Organic), nông nghiệp sinh thái kết hợp ứng dụng công nghệ cao gắn với phát triển công nghiệp chế biến để nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu thị trường xuất khẩu, tiêu thụ trong nước và phục vụ du lịch.

1.2. Phát triển sản xuất cây công nghiệp chủ lực theo hướng tuần hoàn, phát thải carbon thấp, thân thiện với môi trường; sử dụng tối đa các sản phẩm phụ trong quá trình sản xuất, chế biến các sản phẩm cây công nghiệp chủ lực. Sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, không gây mất rừng, suy thoái rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, phòng, chống có hiệu quả thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đến năm 2030, tỷ lệ sản phẩm chế biến sâu tăng khoảng 10 - 15%/năm. Trên 20% giá trị xuất khẩu các sản phẩm cây công nghiệp chủ lực của huyện là qua chế biến và chế biến sâu.

1.3. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư nghiên cứu sản xuất giống cây trồng theo hướng công nghiệp hiện đại; đẩy mạnh liên kết công tư trong nghiên cứu, chuyên giao và sản xuất cung ứng cây giống có chất lượng cao, sạch bệnh. Nghiên cứu, chọn tạo, nhập nội, chuyên giao các giống cây trồng có năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng chống chịu sâu bệnh, thích ứng biến đổi khí hậu và đáp ứng với yêu cầu đa dạng của thị trường.

1.4. Ưu tiên nguồn lực đầu tư để thúc đẩy cơ giới hóa đồng bộ, ứng dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất. Đổi mới phương thức quản lý, sử dụng và kinh doanh giống cây trồng; quản lý chặt chẽ phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thực hiện chương trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), đẩy mạnh ứng dụng quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM); tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong dự tính dự báo sinh vật gây hại cây trồng. Đến năm 2030, có trên 50% diện tích cây công nghiệp chủ lực của huyện ứng dụng IPHM; qua đó giảm ít nhất 30% lượng thuốc bảo vệ thực vật và 30% lượng phân bón hóa học.

1.5. Đẩy mạnh việc cung cấp thông tin thị trường tiêu thụ nông sản; tăng cường trao đổi thông tin về cảnh báo thị trường, yêu cầu thị trường, rào cản kỹ thuật, kiến thức về hội nhập... để giúp các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và người dân chủ động xây dựng kế hoạch phát triển, thâm nhập, mở rộng thị trường xuất khẩu. Hình thành và phát triển đa dạng các phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản theo chuỗi bền vững, ứng dụng thương mại điện tử và truy xuất nguồn gốc phù hợp với điều kiện thực tiễn sản xuất địa phương và yêu cầu của thị trường tiêu thụ, góp phần phát triển sản xuất hiệu quả, bền vững về kinh tế - xã hội và môi trường.

## **2. Định hướng phát triển đến năm 2030**

### **2.1. Cây cà phê**

#### **a. Sản xuất**

Phát triển ổn định diện tích cà phê khoảng 25.000 ha, sản lượng đạt khoảng 70.000 tấn. Vùng tập trung cây cà phê phân bố ở tất cả xã, tập trung tại các: Quảng Khê, Quảng Sơn, Đắk Som, Đắk Ha. Phát triển vùng trồng cà phê theo hướng cảnh quan; những nơi có điều kiện thuận lợi, kết hợp vùng trồng cà phê với phát triển văn hóa, du lịch, dịch vụ... Rà soát diện tích cà phê trồng ở những nơi không thích hợp, năng suất thấp, đặc biệt ở những vùng khó khăn về nước tưới chuyển đổi khoảng 800 ha sang trồng các cây trồng khác có hiệu quả, giá trị kinh tế cao hơn. Đẩy mạnh tái canh các vườn cà phê già cỗi; sử dụng 100% giống cà phê có năng suất, chất lượng cao, kháng sâu bệnh. Thực hiện trồng xen canh cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm

với những vùng trồng cà phê tái canh có điều kiện. Tiếp tục thực hiện có kết quả kế hoạch phát triển cà phê đặc sản Việt Nam trên địa bàn huyện.

Áp dụng rộng rãi kỹ thuật tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; trồng cây chắn gió, cây che phủ, tủ gốc và tạo cảnh quan cà phê; từng bước áp dụng cơ giới hóa khâu thu hoạch và sản xuất cà phê chứng nhận. Đến năm 2030, diện tích cà phê sản xuất theo hướng hữu cơ đạt khoảng 2%; có trên 60% diện tích cà phê đạt các tiêu chuẩn sản xuất (VietGAP, 4C, RA, FLO, C.A.F.E. Practices...); trên 70% diện tích cà phê được cấp mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm; 100 % diện tích cà phê đáp ứng quy định EUDR.

Hình thành và phát triển 02 vùng sản xuất cà phê ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao với diện tích 900 ha, tại các vùng Quảng Sơn, Quảng Khê - Đăk Som.

## **b. Chế biến**

Tỷ lệ thu hái cà phê đúng độ chín, đạt tiêu chuẩn chất lượng đạt 80 - 90%. Hạt cà phê cần được đảm bảo sạch trong tất cả các khâu: Thu hái, phơi sấy, sơ chế, bảo quản, cung cấp cà phê nguyên liệu... để nâng cao chất lượng cà phê xuất khẩu và tiêu thụ trong nước.

Tăng cường đầu tư nâng cấp hệ thống sân phơi và máy sấy đối với sơ chế cà phê bằng phương pháp khô. Khuyến khích nông dân hợp tác trong sơ chế cà phê với quy mô vừa và áp dụng phương pháp chế biến bán ướt đối với cà phê vối, đảm bảo đáp ứng yêu cầu về phẩm cấp nguyên liệu cho các quá trình chế biến tiếp theo.

Đẩy mạnh chế biến, đa dạng hoá các sản phẩm cà phê, đặc biệt chế biến sâu để nâng cao chất lượng, gia tăng giá trị. Khuyến khích đầu tư các nhà máy sử dụng công nghệ mới, hiện đại chế biến cà phê rang xay, cà phê hòa tan. Đến năm 2030, sản lượng cà phê chế biến sâu chiếm 15-20% tổng sản lượng cà phê của huyện; khối lượng cà phê xuất khẩu khoảng trên 50% tổng sản lượng cà phê của huyện.

## **2.2. Cây hồ tiêu**

### **a. Sản xuất**

Duy trì và phát triển ổn định diện tích hồ tiêu khoảng 8,5 - 10 ngàn ha. Xây dựng vùng sản xuất hồ tiêu tập trung, an toàn và chất lượng gắn với đầu tư các cơ sở chế biến. Rà soát phân loại diện tích hồ tiêu hiện có, chuyển đổi diện tích hồ tiêu ở những vùng không thích hợp, nhiễm bệnh nặng, già cỗi, kém hiệu quả sang trồng cây trồng khác có hiệu quả, giá trị kinh tế cao hơn.

Tăng diện tích hồ tiêu trồng xen, giảm diện tích hồ tiêu trồng thuần để giảm áp lực về sinh vật gây hại. Áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật canh tác tiên tiến, giảm bệnh vàng lá chết chậm và bệnh héo chết nhanh. Đến năm 2030, diện tích hồ tiêu áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và tương đương đạt trên 60%.

Tăng cường công tác bình tuyển cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng và nghiên cứu, chuyên giao giống hồ tiêu sạch bệnh có năng suất, chất lượng và chống chịu sâu bệnh hại để cung ứng cây giống cho diện tích trồng mới được sử dụng giống đạt tiêu chuẩn trên 50%.

Đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác, hỗ trợ hợp tác, liên kết các khâu sản xuất, phân phối theo chuỗi sản phẩm từ đầu vào đến đầu ra thị trường; áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật về thiết kế vườn trồng, sử dụng trụ sống, tưới nước tiết kiệm, sử dụng các chế phẩm sinh học trong phòng trừ sinh vật gây hại; phát triển diện tích hồ tiêu hữu cơ, diện tích sản xuất hồ tiêu có chứng nhận gắn với xây dựng chỉ dẫn địa lý, mã số vùng trồng. Đến năm 2030, có trên 70% diện tích hồ tiêu được cấp mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Xây dựng 01 vùng hồ tiêu ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao với diện tích trên 600 ha tại xã Đăk Ha - Quảng Sơn.

### **b. Chế biến**

Tăng cường chế biến sâu, đa dạng các sản phẩm hồ tiêu như tiêu đen, tiêu trắng chất lượng cao, tiêu nghiền bột, tiêu đỏ, tiêu xanh khô, nâng cao giá trị gia tăng trong sản xuất hồ tiêu.

Tiếp tục đổi mới công nghệ, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn ASTA, ESA, JSSA... Đến năm 2030, tỷ lệ chế biến sâu đạt khoảng 30% sản lượng; tỷ lệ tiêu đen khoảng 70%; tỷ lệ tiêu trắng khoảng 30.

## **2.4. Cây cao su**

### **a. Sản xuất**

Ổn định diện tích cao su khoảng 2.000 ha; rà soát, chuyên đổi diện tích cao su ở địa bàn không phù hợp, sản xuất kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả, cây dược liệu và các cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn, phù hợp với nhu cầu thị trường ở những chân đất thích hợp.

Đến năm 2030, 100% diện tích cao su trồng tái canh được sử dụng giống đạt tiêu chuẩn.

Áp dụng đồng bộ tiến bộ khoa học công nghệ mới vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng mủ cao su, giảm giá thành, tăng khả năng cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu chế biến và tiêu thụ trong nước cũng như xuất khẩu. Đến năm 2030, diện tích cao su thực hiện liên kết tiêu thụ sản phẩm đạt 100%; diện tích cao su được cấp chứng chỉ rừng bền vững khoảng 200 ngàn ha; 100% lượng mủ và gỗ cao su có mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

### **b Chế biến**

Đầu tư đổi mới thiết bị, cải tiến công nghệ, đẩy mạnh phát triển chế biến sâu ở các cơ sở chế biến mủ cao su hiện có trên địa bàn làm cơ sở thay đổi cơ cấu sản phẩm nguyên liệu cao su phù hợp với nhu cầu chế biến và tiêu thụ trong nước cũng như xuất khẩu. Đồng thời, tiếp tục nghiên cứu, phát triển thị trường, sản xuất các sản phẩm từ gỗ cao su phục vụ nhu cầu trong nước và quốc tế.

## **IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

**1. Tăng cường, đẩy mạnh công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của việc phát triển bền vững các cây công nghiệp chủ lực với các giá trị kinh tế, môi trường và ổn định xã hội**

Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân về vai trò, tầm quan trọng của việc phát triển bền vững các cây công nghiệp chủ lực với các giá trị kinh tế, môi trường và ổn định xã hội. Tăng cường, đa dạng hóa các hình thức, nội dung truyền thông để người dân, doanh nghiệp và các thành phần xã hội, nhận thức về chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp trong tổ chức sản xuất và phát triển bền vững các cây công nghiệp chủ lực; về tăng trưởng xanh; về thực hành sản xuất theo tiêu chuẩn nông nghiệp tốt, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, đa giá trị, giảm phát thải...

Tăng cường vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo các cấp, ngành, địa phương; khuyến khích sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội nhằm tạo sự đồng thuận, quyết tâm vào cuộc của cả hệ thống chính trị và người dân trong phát triển bền vững các cây công nghiệp chủ lực; đảm bảo sản phẩm có sức cạnh tranh cao, gia tăng giá trị kim ngạch xuất khẩu; sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái, phòng, chống có hiệu quả thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, đời sống dân cư nông thôn và thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế, ổn định xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn. - Đẩy mạnh việc phổ biến các quy định về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật (giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...) nhằm nâng cao nhận thức và tuân thủ pháp luật của người dân, doanh nghiệp.

## **2. Về tổ chức sản xuất**

Trên cơ sở mục tiêu và định hướng phát triển cây công nghiệp chủ lực (cà phê, hồ tiêu, cao su) đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các xã căn cứ lợi thế, điều kiện cụ thể và nhu cầu thị trường, xác định chi tiết vùng trồng, tổ chức lại sản xuất, phát triển bền vững các cây công nghiệp chủ lực theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, theo vùng chuyên canh, gắn với chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc và xây dựng mã số vùng trồng. Rà soát diện tích cây công nghiệp chủ lực trồng trên những vùng đất không phù hợp, kém hiệu quả và xây dựng kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tạo ra sản phẩm có thị trường tiêu thụ ổn định, với giá trị cao hơn, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, đảm bảo phát triển sản xuất hiệu quả, bền vững về kinh tế - xã hội và môi trường. - Các địa phương tiếp tục thực hiện chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất các cây công nghiệp chủ lực, thúc đẩy hình thành các chuỗi liên kết sản xuất từ xây dựng vùng trồng nguyên liệu đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi các sản phẩm từ đầu vào đến đầu ra thị trường; hợp tác xã và tổ hợp tác là cầu nối doanh nghiệp với hộ gia đình trồng cây công nghiệp chủ lực.

Các địa phương thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ phát triển hợp tác xã và tổ hợp tác, ưu tiên hỗ trợ thành lập mới và nâng cao năng lực hoạt động cho hợp tác xã hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm cây công nghiệp chủ lực.

Đối với hộ gia đình, cần chủ động liên kết với doanh nghiệp thông qua các hợp tác xã và tổ hợp tác để phát triển vùng nguyên liệu sản xuất cây công nghiệp chủ lực, thực hiện sản xuất theo quy trình nông nghiệp tốt (GAP) và tương đương, gắn với xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm...

### 3. Về khoa học công nghệ

Tập trung nghiên cứu chuyển giao, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, tiến bộ khoa học kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu của sản xuất và thị trường, khuyến khích đổi mới, sáng tạo để tạo ra các giá trị và sản phẩm mới.

Chăm sóc, quản lý cây đầu dòng, vườn đầu dòng hiện có; đồng thời, tiếp tục bình tuyển, công nhận cây đầu dòng, vườn đầu dòng nhằm đáp ứng nhu cầu cung cấp cây giống cho các địa phương.

Tăng cường phối hợp nghiên cứu, hoàn thiện và chuyển giao quy trình nhân giống cây công nghiệp chủ lực sạch bệnh, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng phục vụ trồng mới, tái canh; quy trình canh tác đảm bảo an toàn, đảm bảo chất lượng sản phẩm; quy trình canh tác tiên tiến trong các khâu: Trồng, chăm sóc, tưới nước, bón phân, tạo tán, phòng trừ sinh vật gây hại, thu hoạch; công nghệ sơ chế, bảo quản, chế biến...

Phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, sử dụng tối đa các phụ phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến một số cây công nghiệp chủ lực (cà phê, điều...) để phục vụ lại cho sản xuất nông nghiệp. Tuyên truyền thực hiện việc thu gom, xử lý chất thải nguy hại từ các bao bì phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong quá trình sản xuất cây công nghiệp chủ lực.

Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học, công nghệ, ưu tiên các lĩnh vực: Nghiên cứu chuyển giao và chọn tạo giống cây công nghiệp chủ lực có năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh, phù hợp với từng vùng sinh thái; nghiên cứu sản xuất các loại phân bón công nghệ cao, chế phẩm sinh học, tác nhân phòng trừ sinh học, KIT chẩn đoán bệnh, phát hiện dư lượng chất cấm, thuốc bảo vệ thực vật; nghiên cứu, đánh giá độ phì của đất canh tác và giải pháp quản lý, sử dụng, bổ sung dinh dưỡng, phục hồi đất, giảm phát thải khí nhà kính; nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, thiết bị hiện đại chế biến sâu, đa dạng hóa các sản phẩm cây công nghiệp chủ lực, đáp ứng rộng rãi nhu cầu thị trường.

Thực hiện nghiên cứu theo cơ chế đặt hàng; gắn kết các tổ chức nghiên cứu khoa học với doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác; kết hợp nghiên cứu với đào tạo và khuyến nông, giữa sản xuất và chế biến tiêu thụ sản phẩm tạo thành chuỗi nghiên cứu khép kín.

Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ cao trong thu thập, quản lý thông tin, phân tích dữ liệu về quản lý vùng trồng, cảnh báo thiên tai, dịch bệnh và quản lý chuỗi cung ứng sản phẩm từ khâu sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến đến tiêu thụ tạo sự minh bạch thông tin, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Xây dựng, hình thành các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn sản xuất với tiêu thụ và sơ chế, chế biến, xuất khẩu các sản phẩm cây công nghiệp chủ lực.

Xây dựng, nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả kinh tế cao đặc biệt là mô hình tổ chức sản xuất mới: Mô hình thực hành sản xuất theo tiêu chuẩn nông nghiệp tốt (GAP) và tương đương, nông nghiệp hữu cơ (Organic); mô hình ứng dụng Quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM); mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng

trên diện tích đất trồng các cây công nghiệp chủ lực kém hiệu quả; mô hình liên kết các khâu sản xuất, phân phối theo chuỗi giá trị sản phẩm từ đầu vào đến đầu ra thị trường; mô hình nông nghiệp thông minh, nông nghiệp tuần hoàn; mô hình sản xuất kết hợp du lịch sinh thái cảnh quan, du lịch trải nghiệm...

#### **4. Về thị trường tiêu thụ sản phẩm**

Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, nhất là các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, hỗ trợ phát triển thương hiệu sản phẩm, xúc tiến thương mại quảng bá sản phẩm. Thực hiện tốt sự liên kết giữa sản xuất, chế biến, tiêu thụ, giữa các thành phần kinh tế và nông dân.

Xây dựng hệ thống thông tin thị trường nông sản đáp ứng yêu cầu của sản xuất nông sản hàng hóa. Nâng cao năng lực nghiên cứu, dự báo nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu đối với từng loại sản phẩm cây công nghiệp chủ lực; đồng thời, cập nhật kịp thời thông tin đến doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và người dân về chính sách thương mại của thị trường về thị phần, thị hiếu, giá cả, rào cản kỹ thuật, thuế quan...

Đối với thị trường trong nước: Xây dựng thương hiệu sản phẩm, gắn với chỉ dẫn địa lý, mã số vùng trồng; hình thành sàn giao dịch sản phẩm; thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại để người tiêu dùng trong nước có đủ thông tin về sản phẩm cây công nghiệp chủ lực của địa phương.

Đối với thị trường xuất khẩu: Chủ động phối hợp tổ chức các chương trình quảng bá sản phẩm; tháo gỡ rào cản thương mại, tạo điều kiện thuận lợi cho các sản phẩm cây công nghiệp chủ lực thâm nhập vào thị trường các nước.

#### **5. Về quản lý Nhà nước**

Tổ chức thực hiện tốt các chính sách liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn: chính sách tín dụng; chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất giống; chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp; chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ; chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách đào tạo nguồn nhân lực; nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất; chính sách thúc đẩy cơ giới hóa sản xuất, chế biến nông sản; xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm...

Nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật để hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, người dân đẩy mạnh việc xây dựng và quản lý nhãn hiệu; hỗ trợ xây dựng, cấp mã số vùng trồng; hỗ trợ chuyển đổi số, quản lý số trong nông nghiệp; hỗ trợ quản lý đất trồng cây công nghiệp chủ lực không gây mất rừng, không gây suy thoái rừng; hỗ trợ phát triển du lịch nông nghiệp...

Thường xuyên thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư đầu vào phục vụ sản xuất như giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chất kích thích sinh trưởng, chất bảo quản; kiểm tra việc quản lý truy xuất sản xuất sản phẩm cây công nghiệp chủ lực...



## **6. Về đầu tư tăng cường năng lực**

Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư phát triển sản xuất cây công nghiệp chủ lực theo hướng xã hội hóa, chủ yếu là vốn của doanh nghiệp và người dân. Các hộ gia đình, doanh nghiệp đầu tư phát triển vùng trồng cây công nghiệp chủ lực để ổn định vùng nguyên liệu. Các hợp tác xã và tổ hợp tác liên kết với hộ gia đình và doanh nghiệp đầu tư cơ sở sơ chế, kho chứa sản phẩm...; doanh nghiệp đầu tư kho bảo quản, nhà máy chế biến, xây dựng thương hiệu, tiêu thụ sản phẩm cây công nghiệp chủ lực.

Ngân sách Nhà nước đầu tư, hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất cây công nghiệp chủ lực theo quy định của pháp luật để thực hiện các nhiệm vụ: Xây dựng cơ chế, chính sách; nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ; đào tạo nguồn nhân lực; cơ sở vật chất cho các đơn vị đào tạo và nghiên cứu khoa học công nghệ; hạ tầng vùng sản xuất tập trung (giao thông, thủy lợi, điện...); xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm...

## **7. Về hợp tác quốc tế**

Tăng cường, mở rộng hợp tác với các đơn vị nghiên cứu khoa học, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ để tranh thủ thu hút nguồn vốn, phát triển thị trường, tiếp cận khoa học công nghệ phục vụ phát triển sản xuất cây công nghiệp chủ lực như: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ về giống; quy trình canh tác; cơ giới hóa các khâu sản xuất; nghiên cứu thiết bị, công nghệ thu hoạch, bảo quản, chế biến; quản trị chuỗi sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm; tháo gỡ rào cản thương mại, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm cây công nghiệp chủ lực.

## **8. Nguồn vốn thực hiện**

Lồng ghép vốn các Chương trình Mục tiêu quốc gia (Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững); các Đề án (Tái cơ cấu ngành nông nghiệp; Phát triển vùng NNƯDCNC); các chương trình, Kế hoạch khác có liên quan (Chương trình xúc tiến thương mại; Chương trình KHCN phục vụ phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực;...).

Cấp theo dự toán ngân sách hàng năm cho các đơn vị được giao nhiệm vụ trên cơ sở đề xuất và khả năng cân đối ngân sách.

Vốn xã hội hóa (*các doanh nghiệp, Hợp tác xã, các loại hình kinh tế khác, cộng đồng dân cư...*).

Vốn huy động hợp pháp khác.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Là cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện của các phòng, ban, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã; định kỳ hàng năm hoặc đột xuất tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, đạt mục tiêu đã đề ra.

## **2. Các phòng, ban, đơn vị liên quan; Ủy ban nhân dân các xã**

Trên cơ sở Kế hoạch này xây dựng kế hoạch cụ thể hoặc lồng ghép vào chương trình công tác của đơn vị, xác định nhiệm vụ trọng tâm, bố trí nguồn lực thực hiện.

Căn cứ các mục tiêu, định hướng và giải pháp của Kế hoạch này; Ủy ban nhân dân các xã xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; triển khai các chương trình, kế hoạch, dự án nhằm hỗ trợ phát triển bền vững các cây công nghiệp chủ lực ở địa phương. Kiểm tra, giám sát doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn thực hiện có kết quả các mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch đề ra. Định kỳ trước ngày 15/12 hàng năm báo cáo kết quả thực hiện gửi về phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

*(Chi tiết tại Biểu phân công nhiệm vụ kèm theo)*

## **3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức chính trị - xã hội**

Thông tin, tuyên truyền phổ biến Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030 trên địa bàn huyện đến các hội viên, người dân trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030 trên địa bàn huyện Đắk Glong; Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu các phòng, ban, đơn vị liên quan; Ủy ban nhân dân các xã triển khai thực hiện đồng bộ, đạt mục tiêu Kế hoạch đề ra. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn, các cơ quan, đơn vị báo cáo về Ủy ban nhân dân huyện (qua phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để kịp thời tháo gỡ, giải quyết./.

### ***Nơi nhận:***

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị;
- UBMTTQ và các đoàn thể;
- UBND các xã.
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trịnh Anh**